

Hà Nội, ngày 19 tháng 5 năm 2021

Số: 547 /TB-TMB  
V/v: Thực hiện quyền chi trả cổ tức  
bằng tiền năm 2020

## THÔNG BÁO

(Về ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền chi trả cổ tức bằng tiền năm 2020)

**Kính gửi: Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam**

Tên Tổ chức phát hành: CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH THAN  
MIỀN BẮC - VINACOMIN

Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH THAN MIỀN BẮC -  
VINACOMIN

Trụ sở chính: Số 5, phố Phan Đình Giót, phường Phương Liệt, quận Thanh  
Xuân, thành phố Hà Nội

Điện thoại: 024.38642793

Fax: 024.38642792

**Chúng tôi thông báo đến Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam  
(VSD) ngày đăng ký cuối cùng để lập danh sách người sở hữu cho chứng  
khoán sau:**

Tên chứng khoán: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Kinh doanh than Miền Bắc-  
Vinacomin

Mã chứng khoán: **TMB**

Loại chứng khoán: Cổ phiếu phổ thông

Mệnh giá giao dịch: 10.000 đồng/cổ phần

Sàn giao dịch: HNX

Ngày đăng ký cuối cùng: Ngày 31 tháng 5 năm 2021

### 1. Lý do và mục đích:

Thực hiện quyền chi trả cổ tức bằng tiền năm 2020

### 2. Nội dung cụ thể:

Tổ chức chi trả cổ tức, lợi tức bằng tiền năm 2020:

- Tỷ lệ thực hiện: 10%/ cổ phiếu (01 cổ phiếu được nhận 1.000 đồng)
- Ngày thanh toán: Ngày 18/6/2021
- Địa điểm thực hiện:

+ Đối với chứng khoán lưu ký: Người sở hữu làm thủ tục nhận cổ tức tại các  
Thành viên lưu ký nơi mở tài khoản lưu ký.



+ Đối với chứng khoán chưa lưu ký: Người sở hữu làm thủ tục nhận cổ tức tại: Trụ sở Công ty, Số 5, phố Phan Đình Giót, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội hoặc chuyển khoản (vào các ngày làm việc trong tuần) bắt đầu từ ngày 18/6/2021 và xuất trình chứng minh nhân dân.

**Đề nghị VSD lập và gửi cho Công ty chúng tôi danh sách người sở hữu chứng khoán tại ngày đăng ký cuối cùng nêu trên vào địa chỉ sau:**

- Địa chỉ nhận Danh sách (bản cứng): Số 5, phố Phan Đình Giót, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

- Địa chỉ email nhận file dữ liệu: thanmbac@gmail.com

**Chúng tôi cam kết những thông tin về người sở hữu trong danh sách sẽ được sử dụng đúng mục đích và tuân thủ các quy định của VSD. Công ty chúng tôi sẽ hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu có vi phạm.**

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- SGDK Hà Nội;
- HĐQT, BKS (e copy, b/c);
- TGD, PTGD (e-copy);
- Trang web: <http://thanmienbac.vn>
- Phòng TCKT: cims SGD, IDS UBCKNN (e-copy);
- Lưu VT, Thư ký Cty.

\* Tài liệu gửi kèm:

- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 23/4/2021.

**TỔNG GIÁM ĐỐC**  
KT. TỔNG GIÁM ĐỐC  
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



*Nguyễn Minh Hải*

Hà Nội, ngày 23 tháng 4 năm 2021

**NGHỊ QUYẾT**  
**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH THAN MIỀN BẮC-VINACOMIN**

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH THAN MIỀN BẮC-VINACOMIN**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;  
Căn cứ Luật Chứng khoán năm 2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành;  
Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty CP Kinh doanh than Miền Bắc - Vinacomin;

Căn cứ Biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty ngày 23/4/2021;

**QUYẾT NGHỊ**

**Điều 1:** Thông qua Báo cáo của Tổng giám đốc tổng kết hoạt động SXKD năm 2020, kế hoạch SXKD năm 2021 với các nội dung cơ bản như sau:

1.1. Kết quả SXKD trong năm 2020:

Số TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2020	Thực hiện năm 2020	TH/KH (%)
1	Các chỉ tiêu hiện vật				
a	Than mua	Tấn	6.700.000	6.869.685	103%
b	Than bán	Tấn	6.100.000	6.193.469	102%
	Trong đó: - Than tự doanh	Tấn	1.300.000	1.335.333	
	- Than giao lại TKV	Tấn	4.800.000	4.858.136	
2	<b>Doanh thu tổng số:</b>	<b>Tr.đồng</b>	<b>11.559.218</b>	<b>10.990.285</b>	<b>95%</b>
a	Doanh thu than	"	11.499.218	10.895.609	
b	Phí dịch vụ tiêu thụ than				
c	Doanh thu dịch vụ hộ lớn	"	40.000	76.829	
d	Doanh thu kinh doanh khác	"	20.000	17.846	
3	Giá vốn mua vào cửa hàng bán ra	Tr.đồng	10.782.042	10.217.531	95%
4	Giá trị sản xuất (Lãi gộp)	Tr.đồng	777.176	772.753	99%
5	Giá trị sản xuất tính lương (trừ thuế ngoài)	Tr.đồng	384.791	431.671	112%
6	Thu nhập, chi phí tài chính:	Tr.đồng	-		
6.1	Thu nhập tài chính:	"	-	11.339	

Số TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2020	Thực hiện năm 2020	TH/KH (%)
6.2	Chi phí tài chính:	"	-	81.431	
	Trong đó: - Lãi vay	"		59.775	
	Lãi (lỗ) từ hoạt động tài chính	"		(70.092)	
7	<b>Thu nhập, chi phí khác:</b>	<b>Tr.đồng</b>	-		
7.1	Thu nhập khác	"		22.272	
7.2	Chi phí khác	"		1.475	
	Lãi (lỗ) từ hoạt động khác	"		20.797	
8	<b>Chi phí SXKD:</b>	<b>Tr.đồng</b>	<b>693.176</b>	<b>648.839</b>	<b>94%</b>
8.1	Chi phí trung gian:	"	556.141	527.103	
	Trong đó: Chi phí thuê ngoài:	"	392.385	341.082	
8.2	Giá trị gia tăng (GDP):	"	137.035	121.736	
	- Khấu hao tài sản	"	12.013	10.448	
	- Tiền lương người lao động	"	93.141	93.141	
	- Tiền lương VCQL chuyên trách	"	2.381	2.381	
	- Thù lao HĐQT, BKS	"		371	
	- Bảo hiểm, BHYT, KPCĐ	"	9.200	10.246	
	- Thuế (trong giá thành)	"	20.300	5.149	
9	<b>Lợi nhuận</b>	<b>Tr.đồng</b>			
	- Lợi nhuận trước thuế	"	55.500	74.620	134%
	- Chi phí thuế TNDN hiện hành (tính cả khoản truy thu)	"		19.561	
	- Lợi nhuận sau thuế TNDN	"		55.059	
10	<b>Nộp ngân sách:</b>	<b>Tr.đồng</b>	<b>Theo chế độ</b>	<b>551.155</b>	
11	Đơn giá tiền lương:	Đ/1000đ GTSX	248	216	89%
12	<b>Lao động bình quân:</b>	<b>Người</b>	<b>665</b>	<b>665</b>	<b>100%</b>
	- Lao động	"	659	659	
	- VCQL	"	6	6	
13	<b>Thu nhập bình quân:</b>				
	- Tiền lương BQ chung toàn DN	đ/ng/th	11.970.000	11.970.000	100%
	- Tiền lương BQ người lao động	đ/ng/th	11.778.000	11.778.000	100%
	- Tiền lương BQ VCQL	đ/ng/th	33.069.000	33.069.000	100%
14	<b>Vốn chủ sở hữu:</b>	<b>Tr.đồng</b>	<b>163.253</b>	<b>257.975</b>	<b>129%</b>
15	<b>Vốn vay ngắn hạn</b>	<b>Tr.đồng</b>	<b>966.000</b>	<b>1.224.641</b>	<b>75%</b>
16	<b>Hệ số nợ phải trả/Vốn CSH</b>	<b>Lần</b>	<b>8,37</b>	<b>8,96</b>	<b>107%</b>
17	<b>Hệ số nợ lợi nhuận KH/Vốn CSH</b>	<b>%</b>	<b>51,5</b>	<b>28,9</b>	<b>56%</b>
18	<b>Đầu tư XDCB:</b>	<b>Tr.đồng</b>	<b>14.012</b>	<b>6.174</b>	<b>44%</b>
19	<b>Tỷ lệ trả cổ tức</b>	<b>%</b>	<b>7,0</b>	<b>10,0</b>	<b>143%</b>

1.2. Kế hoạch SXKD năm 2021:

Số TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2021	Ghi chú
1	<b>Chỉ tiêu sản lượng</b>			
1.1	Than nhập khẩu	Tấn	790.000	
	<i>Trong đó: - Than nhập khẩu để pha trộn</i>	"	395.000	
1.2	Than tiêu thụ	Tấn	7.700.000	
	<i>Tr.đó: - Than pha trộn giao TKV để bán hộ Điện</i>	Tấn	5.500.000	
	<i>- Than giao lại TKV để bán hộ Đạm</i>	Tấn	200.000	
	<i>- Than tự doanh</i>	Tấn	2.000.000	
2	<b>Doanh thu tổng số:</b>	<b>Tr.đồng</b>	<b>13.522.633</b>	
2.1	Doanh thu than	"	13.451.633	
2.2	Doanh thu dịch vụ hộ lớn	"	50.000	
2.3	Phí vận chuyển, bốc xếp giao than hộ lớn TKV	"	6.000	
2.4	Doanh thu kinh doanh khác	"	15.000	
3	<b>Giá vốn mua vào của hàng bán ra</b>	<b>Tr.đồng</b>	<b>12.608.123</b>	
3.1	Kinh doanh than	"	12.598.123	
3.2	Kinh doanh khác	"	10.000	
4	<b>Giá trị sản xuất</b>	<b>Tr.đồng</b>	<b>914.510</b>	
4.1	Kinh doanh than	"	853.510	
4.2	Dịch vụ giao than hộ lớn	"	50.000	
4.3	Phí vận chuyển, bốc xếp giao than hộ lớn TKV	"	6.000	
4.4	Kinh doanh khác	"	5.000	
5	<b>Chi phí vận chuyển, bốc xếp bán hàng thuê ngoài</b>	<b>Tr.đồng</b>	<b>503.711</b>	
5.1	Kinh doanh than	"	497.711	
5.2	Chi phí giao nhận than hộ lớn	"	-	
5.3	Phí vận chuyển, bốc xếp giao than hộ lớn TKV	"	6.000	
5.4	Kinh doanh khác	"	-	
6	<b>Giá trị sản xuất tính lương (trừ thuê ngoài)</b>	<b>Tr.đồng</b>	<b>410.799</b>	
6.1	Kinh doanh than	"	355.799	
6.2	Dịch vụ giao than hộ lớn	"	50.000	
6.3	Phí vận chuyển, bốc xếp giao than hộ lớn TKV	"	-	
6.4	Kinh doanh khác	"	5.000	
7	<b>Tổng chi phí SXKD trong kỳ:</b>	<b>Tr.đồng</b>	<b>816.057</b>	
7.1	Chi phí trung gian:		689.322	
	<i>Tr.đó: Chi phí V/C, bốc xúc bán hàng thuê ngoài:</i>		525.880	
7.2	Giá trị gia tăng (GDP):		126.735	
	- Khấu hao tài sản	"	12.013	
	- Tiền lương		95.522	
	+ <i>Quỹ lương người lao động</i>	"	93.141	

Số TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2021	Ghi chú
	+ Quỹ lương viên chức quản lý	"	2.381	
	- Bảo hiểm, thù lao HĐQT, BKS	"	9.200	
	- Thuế (trong giá thành)	"	10.000	
8	<b>Tổng lợi nhuận:</b>		<b>60.622</b>	
9	<b>Các chỉ tiêu hướng dẫn về lao động tiền lương</b>	<b>Tr.đồng</b>	<b>Theo chế độ</b>	
9.1	Đơn giá tiền lương: (GTSX không gồm thuê ngoài)	đ/1000đ	227	
9.2	Lao động bình quân	Người	665	
	<i>Trong đó: Người lao động</i>	<i>Người</i>	<i>659</i>	
	<i>Viên chức quản lý (VCQL)</i>	<i>Người</i>	<i>6</i>	
9.3	Tiền lương bình quân	đ/ng/th	11.970.000	
	- Tiền lương BQ chung toàn DN	đ/ng/th	11.970.000	
	- Tiền lương BQ người lao động	đ/ng/th	11.778.000	
	- Tiền lương BQ VCQL	đ/ng/th	33.069.000	
10	<b>Nộp ngân sách:</b>	<b>Theo qui định hiện hành</b>		
11	<b>Đầu tư XDCB</b>	<b>Tr.đồng</b>	<b>23.946</b>	
12	<b>Tỷ lệ trả cổ tức</b>	<b>%/VĐL</b>	<b>7,00</b>	

**Trong đó:**

- Kế hoạch Đầu tư xây dựng chi tiết theo Thông báo số 6317/TKV-ĐT ngày 31/12/2020 của Tập đoàn CN Than – Khoáng sản Việt Nam.

- Giá trị sản xuất (GTSX) tính lương là GTSX không bao gồm chi phí vận chuyển, bốc xếp thuê ngoài khâu bán hàng.

- Doanh thu khác kế hoạch năm 2021 bao gồm: Các sản phẩm ngoài than, bán buôn kim loại và quặng kim loại, vật liệu xây dựng...(các ngành nghề theo Điều lệ Công ty)

**Điều 2:** Thông qua Báo cáo Tài chính năm 2020; Phương án phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ, tỷ lệ chi trả cổ tức năm 2020.

2.1. Thông qua Báo cáo Tài chính năm 2020 với các chỉ tiêu chính sau:

- Tổng tài sản : 2.569.776.332.983 đồng

- Tổng nguồn vốn : 2.569.776.332.983 đồng

*Trong đó:*

+ Vốn đầu tư của Chủ sở hữu : 150.000.000.000 đồng (Vốn điều lệ)

+ Vốn khác của Chủ sở hữu : 10.096.236.164 đồng

+ Quỹ đầu tư phát triển : 21.910.026.877 đồng

+ Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối : 75.968.870.605 đồng

2.2. Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ, tỷ lệ chi trả cổ tức năm 2020, cụ thể:

Stt	Nội dung	Số tiền (Tr.đồng)
1	Tổng lợi nhuận trước thuế năm 2020	74.620
2	Chi phí loại trừ không được tính vào chi phí tính thuế	23.186
	- Các khoản chi phí loại trừ	599
	- Chi phí tài chính vượt theo NĐ 68/NĐ-CP năm 2020	22.587

3	Tổng lợi nhuận tính thuế TNDN năm 2020	97.806
4	Thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) 20%	19.561
5	Lợi nhuận còn lại sau thuế	55.059
6	Trả cổ tức cho các cổ đông hiện hữu (10% vốn điều lệ)	15.000
7	Phần lợi nhuận còn lại sau khi trả cổ tức cho các cổ đông	40.059
8	Trích Quỹ đầu tư phát triển (30% lợi nhuận còn lại)	12.018
9	Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi (bằng 1,5 lần tháng lương thực hiện của Người lao động Công ty năm 2020):	11.643
	- Quỹ khen thưởng (40%):	4.657
	- Quỹ phúc lợi (60%):	6.986
10	Trích Quỹ thưởng viên chức quản lý (Bằng 1,5 lần tháng lương thực hiện của viên chức quản lý Công ty năm 2020)	298
11	Phần lợi nhuận còn lại chưa phân phối chuyển sang năm sau	16.101

**Điều 3:** Thông qua Báo cáo tiền thù lao cho HĐQT, Ban kiểm soát và Thư ký Công ty năm 2020; Kế hoạch tiền thù lao của HĐQT, Ban kiểm soát và Thư ký Công ty năm 2021; Tiền lương của Trưởng ban kiểm soát chuyên trách Công ty năm 2021.

3.1. Thông qua Thù lao thành viên HĐQT, Ban kiểm soát năm 2020:

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty năm 2020 ngày 23/6/2020, mức thù lao cho các thành viên HĐQT, Ban kiểm soát Công ty hàng tháng được tính bằng 20% mức lương cơ bản đối với người quản lý hoạt động kiêm nhiệm (áp dụng theo Quyết định số 1387/QĐ-TKV ngày 29/7/2019 của TKV).

Tiền thù lao của HĐQT, Ban kiểm soát và Thư ký Công ty năm 2020 như sau:

STT	Chức danh	Số lượng thành viên	Mức thù lao hàng tháng của các thành viên HĐQT, BKS
1	Chủ tịch HĐQT	01 người	25.700.000 đ x 20% = 5.140.000 đồng
2	Ủy viên HĐQT	04 người	21.900.000 đ x 20% = 4.380.000 đồng
3	Trưởng ban KS	01 người	Hưởng lương chuyên trách, không có thù lao.
4	Ủy viên BKS	02 người	21.900.000 đ x 20% = 4.380.000 đồng
5	Thư ký Công ty	01 người	21.900.000 đ x 20% = 4.380.000 đồng

Tổng số tiền thù lao được hưởng của năm 2020 là: 377.040.000 đồng.

3.2. Thông qua kế hoạch chi trả tiền thù lao HĐQT, Ban kiểm soát, Thư ký Công ty năm 2021: Mức thù lao thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát năm 2021 được tính như năm 2020, cụ thể như sau:

STT	Chức danh	Số lượng thành viên	Mức thù lao hàng tháng của các thành viên HĐQT, BKS
1	Chủ tịch HĐQT	01 người	25.700.000 đ x 20% = 5.140.000 đồng
2	Ủy viên HĐQT	04 người	21.900.000 đ x 20% = 4.380.000 đồng
3	Trưởng ban KS	01 người	Hưởng lương chuyên trách, không có thù lao.
4	Ủy viên BKS	02 người	21.900.000 đ x 20% = 4.380.000 đồng
5	Thư ký Công ty	01 người	21.900.000 đ x 20% = 4.380.000 đồng

3.3. Thông qua Phương án Tiền lương Trưởng ban kiểm soát chuyên trách năm 2021 được xác định như năm 2020, xếp mức 22.900.000 đồng/tháng (Hạng I/Nhóm II; Phụ lục 04-Tiền lương của Người quản lý) theo Quyết định số 1387/QĐ-TKV ngày 29/7/2019 của Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam.

**Điều 4:** Thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát thẩm định kết quả thực hiện kế hoạch SXKD năm 2020, thẩm định Báo cáo tài chính năm 2020; Báo cáo kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2020.

Đại hội đánh giá nội dung Báo cáo là đúng, sát thực và chỉ ra những vấn đề trọng tâm, một số tồn tại sau khi kiểm toán của Công ty cần được chỉnh sửa cho phù hợp.

Đại hội nhất trí thông qua nội dung Báo cáo của Ban kiểm soát thẩm định kết quả thực hiện kế hoạch SXKD năm 2020, thẩm định Báo cáo tài chính năm 2020; Báo cáo kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2020.

**Điều 5:** Thông qua việc lựa chọn Công ty kiểm toán để thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính Công ty năm 2021.

Đại hội nhất trí lựa chọn Công ty TNHH PKF Việt Nam là Công ty kiểm toán nằm trong danh sách được Bộ Tài Chính công nhận đủ điều kiện kiểm toán chấp nhận toàn phần cho các Công ty niêm yết, đã có kinh nghiệm kiểm toán trong Ngành Than để thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính Công ty năm 2021

**Điều 6:** Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động của HĐQT Công ty năm 2020.

Đại hội đánh giá hoạt động của HĐQT năm 2020 là tốt. HĐQT đã quản lý, điều hành Công ty phù hợp với các quy định của Nhà nước, của TKV và Điều lệ Công ty. HĐQT đã tập trung lãnh đạo thực hiện tốt các mục tiêu chiến lược đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty năm 2020 thông qua, tổ chức triển khai thực hiện tốt trên các lĩnh vực quản lý, điều hành sản xuất nên đã tạo ra sự ổn định, đồng bộ trong SXKD, phù hợp với thực tiễn, đảm bảo kịp thời giải quyết các vấn đề phát sinh từ công tác phòng chống dịch bệnh Covid-19 đến các mặt hoạt động SXKD.

Đại hội nhất trí thông qua Báo cáo hoạt động của HĐQT Công ty năm 2020.

**Điều 7:** Thông qua Điều lệ sửa đổi, bổ sung Công ty Cổ phần Kinh doanh than Miền Bắc - Vinacomin:

Đại hội nhất trí thông qua Điều lệ Công ty sửa đổi, bổ sung phù hợp với Luật Doanh nghiệp 2020 và Điều lệ mẫu áp dụng đối với Công ty con cổ phần của Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam ban hành kèm theo văn bản số 1455/TKV-TCNS ngày 07/4/2021.

**Điều 8:** Thông qua việc ủy quyền cho HĐQT được chủ động quyết định thay đổi kế hoạch SXKD năm 2021 theo kế hoạch phối hợp kinh doanh của TKV điều chỉnh phù hợp với diễn biến thực tế của thị trường và môi trường kinh doanh.

Đại hội nhất trí ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty được chủ động quyết định thay đổi kế hoạch SXKD năm 2021 theo kế hoạch phối hợp kinh doanh của TKV điều chỉnh phù hợp với diễn biến thực tế của thị trường và môi trường kinh doanh.

**Điều 9:** Thông qua việc ủy quyền cho HĐQT quyết định ký kết hợp đồng, giao dịch với những người quy định tại Điều 167 Luật Doanh nghiệp.

Đại hội nhất trí thông qua việc ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty như sau:

9.1 Được chủ động quyết định các hợp đồng, giao dịch ghi tại mục (r), (s) của khoản 2 Điều 15 Điều lệ Công ty và mục (b) của khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp năm 2020;

9.2 Được ủy quyền lại cho Tổng giám đốc Công ty chủ động quyết định các hợp đồng, giao dịch ghi tại mục (r), (s) của khoản 2 Điều 15 Điều lệ Công ty và mục (b) của khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp năm 2020

**Điều 10: Điều khoản thi hành**

- Nghị quyết này đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty Cổ phần Kinh doanh than Miền Bắc - Vinacomin năm 2021 biểu quyết thông qua và có hiệu lực kể từ ngày được thông qua.

- Các cổ đông, thành viên HĐQT Công ty, thành viên Ban kiểm soát Công ty, các phòng ban và đơn vị trực thuộc chịu trách nhiệm thi hành nghị quyết này và tổ chức triển khai theo thẩm quyền, chức năng hoạt động của mình phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.

**Nơi nhận:**

- UBCKNN, Sở GDCKHN, VSD;
- Các cổ đông (TKV, khác);
- Các thành viên HĐQT, BKS;
- Các phòng TMB; KTNB;
- Các đơn vị trực thuộc;
- Văn phòng (Đăng trang Website),
- Lưu VT, Thư ký Cty.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG  
CHỦ TỌA**



*[Handwritten signature]*  
**Phạm Tuấn Ngọc**

